

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 45
8. Phụ lục	46 - 47

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 19 tháng 11 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
- Điện thoại : (0296) 3834060
- Fax : (0296) 3834054

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau đây:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Đại Tây Dương N.V – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Ấn Độ Dương - Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy Dầu cá Bột cá Ấn Độ Dương - Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bio-diesel;
- Chế biến dầu cá và bột cá;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Bán buôn hóa chất;
- Sản xuất, chế biến và mua bán thức ăn thủy sản;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất và bán buôn thuốc thú y, thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất điện năng lượng mặt trời;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin (nguyên liệu để sản xuất vỏ con nhộng chứa thuốc);
- Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày ;
- Cho thuê nhà, đất không phải để ở như văn phòng, cửa hàng, trung tâm thương mại, nhà xưởng sản xuất, khu triển lãm và nhà kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Doãn Tới	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019
Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ủy ban kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Minh Ý	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2022
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2020
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2007
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2011
Ông Nguyễn Văn Vỹ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Minh Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Thanh Liêm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Doãn Tới – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2020).

Ông Doãn Tới đã ủy quyền cho Ông Trần Minh Cảnh – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy ủy quyền số 01/GUQ-KTTC ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

CHỦ TỊCH



Đỗ Lập Nghiệp

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Số: 1.0766/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Hoàng Thị Vương****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1

Người được ủy quyền

Phan Vũ Công Bá**Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.298.510.809.887	2.589.274.600.209
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	178.210.567.959	30.313.588.620
1. Tiền	111		12.610.567.959	23.763.588.620
2. Các khoản tương đương tiền	112		165.600.000.000	6.550.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40.398.725.174	66.163.630.137
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	40.398.725.174	66.163.630.137
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		723.574.157.631	672.351.017.682
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	614.531.378.803	499.042.438.745
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	140.794.468.890	204.946.919.659
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	234.718.093	1.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	8.907.859.081	6.786.010.817
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(43.592.146.762)	(42.122.231.065)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.697.879.526	2.697.879.526
IV. Hàng tồn kho	140		1.265.338.880.936	1.711.027.584.033
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1.295.202.359.707	1.726.557.959.992
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(29.863.478.771)	(15.530.375.959)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		90.988.478.187	109.418.779.737
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	15.777.700.506	7.641.224.590
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		75.188.052.373	101.777.555.147
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	22.725.308	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.882.311.781.292	1.844.153.632.993
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.845.094.824	6.148.570.554
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	38.300.000	461.795.593
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	9.806.794.824	5.686.774.961
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		494.258.080.263	467.782.873.081
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	48.265.095.473	48.726.359.720
- Nguyên giá	222		465.929.582.300	480.555.966.054
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(417.664.486.827)	(431.829.606.334)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	106.328.007.292	72.610.385.224
- Nguyên giá	225		132.752.805.567	88.125.379.979
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(26.424.798.275)	(15.514.994.755)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	339.664.977.498	346.446.128.137
- Nguyên giá	228		375.235.022.868	375.481.151.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.570.045.370)	(29.035.023.113)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		303.673.363.064	287.439.831.484
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	303.673.363.064	287.439.831.484
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.038.087.972.106	1.042.497.194.097
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	971.000.000.000	971.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	69.240.000.000	69.240.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	20.304.000.000	20.304.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(22.456.027.894)	(18.046.805.903)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		36.447.271.035	40.285.163.777
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	36.447.271.035	40.285.163.777
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.180.822.591.179	4.433.428.233.202

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.476.429.671.082	1.761.444.782.509
I. Nợ ngắn hạn	310		1.440.895.877.887	1.731.471.337.082
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	74.427.258.269	244.706.752.321
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	24.498.602.643	8.333.914.308
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	1.560.443.616	4.433.920.643
4. Phải trả người lao động	314	V.18	41.209.203.329	21.530.595.380
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	12.968.395.396	6.450.250.957
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	1.537.890.276	1.404.669.966
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	30.361.269.519	54.920.642.717
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a,c	1.253.878.077.861	1.389.317.853.812
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	454.736.978	372.736.978
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		35.533.793.195	29.973.445.427
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	2.341.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b,c	35.533.793.195	27.632.445.427
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.704.392.920.097	2.671.983.450.693
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.704.392.920.097	2.671.983.450.693
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	2.666.675.000.000	1.335.396.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.666.675.000.000	1.335.396.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	21.489.209.100	21.489.209.100
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.24	(27.587.629.848)	(27.587.629.848)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	43.816.340.845	1.342.685.621.441
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	1.342.685.621.441
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		43.816.340.845	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.180.822.591.179	4.433.428.233.202



Cao Thị Kim Thơ
Người lập



Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng



TP. Long Xuyên, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	5.032.904.521.683	4.917.958.992.019
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	26.178.333.725	20.852.614.506
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.006.726.187.958	4.897.106.377.513
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	4.757.626.539.706	4.738.288.733.559
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		249.099.648.252	158.817.643.954
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	240.169.988.348	285.471.937.822
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	79.259.781.040	122.982.532.240
Trong đó: chi phí lãi vay	23		63.203.200.154	93.110.639.445
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	252.396.588.115	178.268.251.552
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	61.036.597.460	54.653.383.787
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		96.576.669.985	88.385.414.197
11. Thu nhập khác	31	VI.8	6.467.700.356	10.819.780.221
12. Chi phí khác	32	VI.9	3.706.870.179	1.120.280.676
13. Lợi nhuận khác	40		2.760.830.177	9.699.499.545
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		99.337.500.162	98.084.913.742
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	64.093.258	(770.630.100)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		99.273.406.904	98.855.543.842
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-	-

Cao Thị Kim Thơ
Người lập

Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng



TP. Long Xuyên, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		99.337.500.162	98.084.913.742
2. Điều chỉnh cho các khoản:		V.10; V.11;		
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.12	36.494.817.814	33.440.763.732
- Các khoản dự phòng	03	V.2b; V.7; V.8	25.619.587.144	17.780.894.841
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4 ; VI.5	(1.408.483.802)	2.557.775.415
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4; VI.8	(214.555.016.233)	(272.139.389.813)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	63.203.200.154	93.110.639.445
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.691.605.239	(27.164.402.638)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.224.370.137)	(154.002.081.621)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		431.355.600.285	54.353.071.471
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(78.013.033.443)	60.453.440.154
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.298.583.174)	1.920.084.477
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19; V.21, VI.5	(64.697.301.330)	(117.386.152.987)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(86.818.566)	(81.254.926.605)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.23	(218.000.000)	(205.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		274.509.098.874	(263.286.467.749)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10; V.12; V.13; VII	(79.235.522.114)	(14.073.540.219)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, V.12, VI.8	8.227.570.824	28.025.706.135
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(65.953.954.610)	(214.383.630.137)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		92.907.637.073	498.886.287.059
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	9.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6a; VI.4	213.693.695.906	276.062.612.446
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		169.639.427.079	583.517.435.284



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	60.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22	3.228.186.917.043	3.527.486.260.817
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22	(3.379.520.942.904)	(3.654.707.895.093)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.22	(36.955.709.399)	(27.756.033.711)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21; V.24	(108.135.816.893)	(218.556.413.606)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(296.425.552.153)	(313.534.081.593)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		147.722.973.800	6.696.885.942
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	30.313.588.620	23.656.927.726
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		174.005.539	(40.225.048)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	178.210.567.959	30.313.588.620

Cao Thị Kim Thơ
Người lập

Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng



TP. Long Xuyên, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản; Sản xuất thức ăn thủy sản; Sản xuất điện năng lượng mặt trời; Xây dựng công trình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Cuối năm 2024 tình hình kinh tế có dấu hiệu phục hồi, làm cho doanh thu và lợi nhuận của Công ty tăng nhẹ so với năm trước.

6. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Nuôi trồng thủy sản nội địa	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	Lô 4A, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Sản xuất thức ăn thủy sản	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên doanh

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là chiết xuất và sản xuất Collagen, Gelatin thủy phân dùng cho dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là 50%, tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Đại Tây Dương N.V – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Ấn Độ Dương - Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy Dầu cá Bột cá Ấn Độ Dương - Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không qua 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh. Nếu công ty con, công ty liên doanh là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động
Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình
Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định hữu hình khác	04 – 18

10. Tài sản cố định thuê tài chính
Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

11. Tài sản cố định vô hình
Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.
Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.
Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 05 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	291.794.679	247.558.343
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.318.773.280	23.516.030.277
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	165.600.000.000	6.550.000.000
Cộng	178.210.567.959	30.313.588.620

Các khoản tương đương tiền có giá trị 1.000.000.000 VND (số đầu năm là 6.550.000.000 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam (xem thuyết minh V.22a).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến dưới 12 tháng.

Khoản tiền gửi ngân hàng có giá trị 38.198.725.174 VND đã được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Malayan Banking Berhad, Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam), Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam và Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited (xem thuyết minh số V.22a).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	971.000.000.000	(706.679.404)	971.000.000.000	(319.248.496)
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương ⁽ⁱ⁾	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú ⁽ⁱⁱ⁾	540.000.000.000	-	540.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar ⁽ⁱⁱⁱ⁾	180.000.000.000	-	180.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar ^(iv)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar ^(v)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt ^(vi)	5.000.000.000	(706.679.404)	5.000.000.000	(319.248.496)
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt ^(vii)	200.000.000.000	-	200.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh	69.240.000.000	(8.347.457.527)	69.240.000.000	(4.261.782.587)
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt ^(viii)	69.240.000.000	(8.347.457.527)	69.240.000.000	(4.261.782.587)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	20.304.000.000	(13.401.890.963)	20.304.000.000	(13.465.774.820)
Công ty Cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	(13.401.890.963)	20.304.000.000	(13.465.774.820)
Cộng	1.060.544.000.000	(22.456.027.894)	1.060.544.000.000	(18.046.805.903)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5704000012 đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 13 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602085059 đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 20 tháng 6 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú 540.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602123547 đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 11 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar 180.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602125914 đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 11 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602125939 đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 11 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602127710 đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 12 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801723877 thay đổi lần thứ 01 ngày 02 tháng 6 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt 200.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (viii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801666883 đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 22 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt 69.240.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh

Ngoài Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt (công ty con) chưa đi vào hoạt động, các công ty con khác và công ty liên doanh đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	18.046.805.903	13.594.040.382
Trích lập dự phòng	4.409.221.991	4.514.502.193
Xóa sổ dự phòng do thanh lý, chuyển nhượng đầu tư	-	(61.736.672)
Số cuối năm	22.456.027.894	18.046.805.903

Giao dịch với các công ty con, công ty liên doanh

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương		
Bán thành phẩm, bao bì	653.136.577.733	712.844.524.008
Bán nguyên vật liệu	130.165.650	130.247.961
Bán điện mặt trời	999.238.131	1.796.380.040
Chi phí gia công	182.616.830.735	423.477.807.740
Mua vật tư, nguyên liệu	266.757.428.968	343.362.894.217
Thuê tài sản hoạt động	15.100.000.000	-
Phí cơ sở hạ tầng, phí xử lý nước thải	1.651.224.274	-
Mua điện	10.468.269.111	-
Lợi nhuận được chia	-	77.500.000.000
Chi hộ	1.287.316.197	5.180.988.285
Thu hộ	1.982.268.148	67.308.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú		
Bán nguyên liệu	901.063.942	688.910.686
Bán thành phẩm	190.155.572	72.710.000
Mua nguyên vật liệu	861.330.215.753	1.126.686.752.374
Chi hộ	-	25.113.750
Thu hộ	3.972.610.516	69.363.000
Lợi nhuận được chia	112.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar		
Doanh thu cho thuê	78.000.000	78.000.000
Bán vật tư, nguyên liệu	360.730	395.153
Bán thành phẩm	2.690.871	-
Mua điện	12.567.968.872	11.511.510.994
Mua vật tư, nguyên liệu	9.595.518	4.779.601
Lợi nhuận được chia	52.400.000.000	51.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar		
Doanh thu cho thuê	78.000.000	78.000.000
Mua điện	1.261.652.858	-
Lợi nhuận được chia	12.500.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar		
Doanh thu cho thuê	78.000.000	78.000.000
Mua điện	2.265.824.521	-
Lợi nhuận được chia	13.900.000.000	6.000.000.000
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt		
Đi vay	3.070.000.000	400.000.000
Lãi vay	136.888.772	1.656.986
Mua vật tư, nguyên liệu	6.710.000	34.302.039
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt		
Góp vốn	-	3.713.224.323
Bán thành phẩm	168.358.496.102	185.060.669.000
Bán điện mặt trời	30.606.689	16.007.954
Doanh thu cho thuê	11.017.800.000	11.017.800.000
Bán nguyên vật liệu	11.661.593	363.430.086
Phí sử dụng cơ sở hạ tầng	153.380.090	110.410.139
Mua thức ăn	1.659.694.001.000	1.630.988.805.530
Mua vật tư, nguyên liệu	18.596.659.517	25.024.685.272
Chi hộ	6.726.693.229	10.536.568.879
Thu hộ	-	100.000.000
Lợi nhuận được chia	20.000.000.000	110.000.000.000
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt		
Doanh thu thi công công trình	-	5.813.840.604
Doanh thu cho thuê	248.740.744	378.837.714
Doanh thu bán thành phẩm	10.845.309.000	13.910.947.900
Doanh thu khác	-	16.596.160
Mua nguyên vật liệu	1.306.980.268	636.650.944

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>212.167.809.862</i>	<i>166.717.564.066</i>
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	148.407.610.450	81.645.190.850
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	60.695.983.470	78.262.154.953
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	3.064.215.942	6.810.218.263
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>402.363.568.941</i>	<i>332.324.874.679</i>
PFC International	38.517.676.120	77.941.315.000
Các khách hàng nước ngoài	305.546.086.994	218.836.401.183
Các khách hàng trong nước	58.299.805.827	35.547.158.496
Cộng	614.531.378.803	499.042.438.745

Khoản phải thu có giá trị 180.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (xem thuyết minh số V.22a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>98.200.682.913</i>	<i>198.670.101.870</i>
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	50.528.137.483	198.670.101.870
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	19.520.682.038	-
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	12.940.714.124	-
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	8.619.657.174	-
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	6.591.492.094	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>42.593.785.977</i>	<i>6.276.817.789</i>
Các nhà cung cấp nước ngoài	1.326.842.160	479.841.150
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	23.879.273.651	1.098.425.939
Các nhà cung cấp trong nước khác	17.387.670.166	4.698.550.700
Cộng	140.794.468.890	204.946.919.659

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho Bà Nguyễn Thị Minh Thành vay	-	1.000.000.000
Cho Ông Nguyễn Văn Thóc vay	234.718.093	-
Cộng	234.718.093	1.000.000.000

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho Ông Nguyễn Văn Thóc vay	-	461.795.593
Cho Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc vay	38.300.000	-
Cộng	38.300.000	461.795.593

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	13.832.200	-	-	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	13.832.200	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	8.894.026.881	(918.734.550)	6.786.010.817	(948.917.674)
Tạm ứng	216.173.635	-	1.945.669.514	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	760.257.290	-	1.207.202.861	-
Tiền lãi cho vay	5.648.667	-	129.001.251	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	135.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7.776.947.289	(918.734.550)	3.504.137.191	(948.917.674)
Cộng	8.907.859.081	(918.734.550)	6.786.010.817	(948.917.674)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký quỹ dài hạn	9.552.584.824	-	5.686.774.961	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	254.210.000	-	-	-
Cộng	9.806.794.824	-	5.686.774.961	-

7. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Phải thu tiền bán hàng		49.750.315.481		56.456.646.111
Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	7.608.900.000	5.326.230.000	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	1.485.540.000
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	462.588.234	231.294.117	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	36.642.622.500	3.407.894.820	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	47.478.182.400
Quá hạn trên 03 năm	5.036.204.747	-	Quá hạn trên 03 năm	7.492.923.711
Phải thu khác		3.616.614.076		949.734.550
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	2.697.879.526	809.363.858	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	2.722.920
Quá hạn trên 03 năm	918.734.550	-	Quá hạn trên 03 năm	947.011.630
Cộng		53.366.929.557		57.406.380.661

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	42.122.231.065	35.825.498.008
Trích lập dự phòng bổ sung	6.877.262.341	6.296.733.057
Xóa nợ	(5.407.346.644)	-
Số cuối năm	43.592.146.762	42.122.231.065

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	1.483.692.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	457.400.826.120	-	335.633.602.884	-
Công cụ, dụng cụ	2.930.163.239	-	1.318.290.781	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	288.523.906.971	-	472.098.894.749	-
Thành phẩm	513.965.132.861	(28.453.353.443)	909.085.839.485	(15.530.375.959)
Hàng gửi đi bán	30.898.638.516	(1.410.125.328)	8.421.332.093	-
Cộng	1.295.202.359.707	(29.863.478.771)	1.726.557.959.992	(15.530.375.959)

Hàng tồn kho có trị giá 421.640.622.017 VND (số đầu năm là 362.592.707.016 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội (xem thuyết minh số V.22a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	15.530.375.959	8.694.577.569
Trích lập dự phòng bổ sung	14.333.102.812	7.031.396.263
Giảm do hủy hàng kém phẩm chất	-	(195.597.873)
Số cuối năm	29.863.478.771	15.530.375.959

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	586.666.668	586.666.667
Công cụ, dụng cụ	3.086.711.254	1.404.285.321
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	12.104.322.584	5.650.272.602
Cộng	15.777.700.506	7.641.224.590

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	24.737.838.655	25.535.260.920
Chi phí sửa chữa	7.625.178.702	9.631.341.801
Công cụ, dụng cụ	468.368.334	174.646.700
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.615.885.344	4.943.914.356
Cộng	36.447.271.035	40.285.163.777

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	112.945.185.910	280.054.532.751	37.501.045.161	5.725.548.280	44.329.653.952	480.555.966.054
Mua trong năm	-	12.548.355.553	577.590.000	3.814.594.000	-	16.940.539.553
Đầu tư XD CB hoàn thành	163.867.358	314.187.977	778.517.062	-	-	1.256.572.397
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	6.767.502.743	-	-	-	6.767.502.743
Thanh lý, nhượng bán	(106.841.788)	(35.069.788.795)	(4.333.549.682)	(80.818.182)	-	(39.590.998.447)
Số cuối năm	113.002.211.480	264.614.790.229	34.523.602.541	9.459.324.098	44.329.653.952	465.929.582.300

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa. vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	94.742.076.226	215.910.552.086	16.840.628.397	4.524.640.509	20.613.103.227	352.631.000.445
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	104.749.629.720	259.987.637.085	29.290.124.798	4.958.403.310	32.843.811.421	431.829.606.334
Khấu hao trong năm	1.833.661.415	7.052.148.653	3.095.545.565	769.899.651	2.419.802.262	15.171.057.546
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	3.878.934.491	-	-	-	3.878.934.491
Thanh lý, nhượng bán	(106.841.788)	(29.189.735.226)	(3.837.716.348)	(80.818.182)	-	(33.215.111.544)
Số cuối năm	106.476.449.347	241.728.985.003	28.547.954.015	5.647.484.779	35.263.613.683	417.664.486.827
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	8.195.556.190	20.066.895.666	8.210.920.363	767.144.970	11.485.842.531	48.726.359.720
Số cuối năm	6.525.762.133	22.885.805.226	5.975.648.526	3.811.839.319	9.066.040.269	48.265.095.473
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	88.125.379.979	-	88.125.379.979
Thuê tài chính trong năm	8.899.094.997	39.495.833.334	48.394.928.331
Tạm nhập tài sản chờ giải ngân	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(6.767.502.743)	-	(6.767.502.743)
Số cuối năm	90.256.972.233	42.495.833.334	132.752.805.567
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	15.514.994.755	-	15.514.994.755
Khấu hao trong năm	12.210.821.353	2.577.916.658	14.788.738.011
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(3.878.934.491)	-	(3.878.934.491)
Số cuối năm	23.846.881.617	2.577.916.658	26.424.798.275
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	72.610.385.224	-	72.610.385.224
Số cuối năm	66.410.090.616	39.917.916.676	106.328.007.292

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	375.200.160.250	280.991.000	375.481.151.250
Đầu tư XDCB hoàn thành	173.937.057	-	173.937.057
Giảm do Nhà nước thu hồi	(10.610.220)	-	(10.610.220)
Thanh lý, nhượng bán	(409.455.219)	-	(409.455.219)
Số cuối năm	374.954.031.868	280.991.000	375.235.022.868
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.204.952.117	280.991.000	2.485.943.117

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	28.754.032.113	280.991.000	29.035.023.113
Khấu hao trong năm	6.535.022.257	-	6.535.022.257
Số cuối năm	35.289.054.370	280.991.000	35.570.045.370
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	346.446.128.137	-	346.446.128.137
Số cuối năm	339.664.977.498	-	339.664.977.498
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 95.647.250.410 VND (số đầu năm là 134.901.213.499 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (xem thuyết minh số V.22a).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	74.169.600.000	10.450.389.134	(8.209.635.498)	-	76.410.353.636
Thuê tài chính	-	25.464.000.000	(19.464.000.000)	-	6.000.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	213.201.356.285	6.679.355.878	(1.430.509.454)	(1.038.618.405)	217.411.584.304
Dự án khu nuôi trồng thủy sản – Đất	209.719.514.185	663.960	(173.937.057)	(117.486.434)	209.428.754.654
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	2.515.061.280	1.998.219.988	(272.681.821)	(178.061.574)	4.062.537.873
Nhà máy đông lạnh thủy sản	496.818.282	4.634.059.418	(778.517.062)	(743.070.397)	3.609.290.241
Các hạng mục khác	469.962.538	46.412.512	(205.373.514)	-	311.001.536
Sửa chữa lớn tài sản cố định	68.875.199	8.062.715.192	-	(4.280.165.267)	3.851.425.124
Cộng	287.439.831.484	50.656.460.204	(29.104.144.952)	(5.318.783.672)	303.673.363.064

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay không được trừ ⁽ⁱ⁾	19.411.077.559	16.725.816.528
Lỗ tính thuế ⁽ⁱⁱ⁾	193.640.776.949	131.340.333.679
Cộng	213.051.854.508	148.066.150.207

(i) Chi tiết lãi vay không được trừ như sau:

Năm 2023	16.725.816.528
Năm 2024	2.685.261.031
Cộng	19.411.077.559

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

(ii) Chi tiết lỗ tính thuế chưa sử dụng như sau:

Năm 2023	131.340.333.679
Năm 2024	62.300.443.270
Cộng	193.640.776.949

Lỗ tính thuế năm 2023 đã được điều chỉnh theo tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung lần 03.

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>2.677.818.145</i>	<i>179.010.630.646</i>
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt		
Bình Phú	-	115.448.707.858
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	-	6.883.039.925
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	-	1.000.785.716
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	-	14.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	-	40.000.000.000
Công ty TNHH Đại Tây Dương	2.677.818.145	15.664.097.147
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>71.749.440.124</i>	<i>65.696.121.675</i>
Các nhà cung cấp trong nước	57.217.586.887	43.529.444.197
Phải trả tiền nuôi cá cho các chủ vùng nuôi	13.722.716.736	20.295.800.434
Các nhà cung cấp nước ngoài	809.136.501	1.870.877.044
Cộng	74.427.258.269	244.706.752.321

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	6.293.354.827	3.438.946.759
Các khách hàng nước ngoài	18.205.247.816	4.894.967.549
Cộng	24.498.602.643	8.333.914.308

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	346.505.394	(346.505.394)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	128.149.867	(128.149.867)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	64.093.258	(86.818.566)	-	22.725.308
Thuế thu nhập cá nhân	4.431.296.643	-	7.592.487.670	(10.466.380.281)	1.557.404.032	-
Thuế tài nguyên	2.624.000	-	29.799.744	(29.384.160)	3.039.584	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	-	56.792.124	(56.792.124)	-	-
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	79.035.692	(79.035.692)	-	-
Cộng	4.433.920.643	-	8.302.863.749	(11.199.066.084)	1.560.443.616	22.725.308

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu 0%
- Cá nguyên liệu – Công ty tự nuôi bán tổ chức, cá nhân Không chịu thuế
- Cá nguyên liệu – Công ty mua ngoài bán tổ chức Không kê khai tính thuế
- Cá nguyên liệu – Công ty mua ngoài bán cá nhân 5%
- Sản phẩm dịch vụ khác ⁽ⁱ⁾ 10%

- (i) Năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với các hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội và Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hai quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 10% (đối với địa bàn khó khăn) và 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Theo Công văn số 1534/BTC-CST ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính gửi Cục thuế các tỉnh, thành phố, thu nhập từ hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2020 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập từ hoạt động này.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	99.337.500.162	98.084.913.742
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Chi phí lãi vay không được trừ ⁽ⁱ⁾	2.685.261.031	16.725.816.528
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	49.003.877.173	15.602.239.429
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.186.536.855)	(7.191.512.278)
Thu nhập chịu thuế	148.840.101.511	123.221.457.421
Thu nhập được miễn thuế	(210.800.000.000)	(254.561.791.100)
Thu nhập tính thuế	(61.959.898.489)	(131.340.333.679)
Trong đó:		
- Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	340.544.781	-
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 10%)	(12.400.093.042)	(36.853.545.560)
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 15%)	(48.308.659.771)	(120.824.881.664)
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi	(1.591.690.457)	26.338.093.545
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	68.108.956	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	(4.015.698)	(770.630.100)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	64.093.258	(770.630.100)

- (i) Chi phí lãi vay không được trừ này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Số liệu cột năm trước đã được điều chỉnh theo tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung lần 03.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 4.000 VND/m³x8%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 còn phải trả người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	1.170.826.496	1.909.446.663
Chi phí cước tàu	1.831.648.920	304.517.400
Chi phí hoa hồng môi giới	7.047.027.821	4.088.030.350
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.918.892.159	148.256.544
Cộng	12.968.395.396	6.450.250.957

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nhận trước về cho thuê đất	1.306.907.352	942.704.106
Lãi phát sinh từ giao dịch bán và thuê lại TSCĐ	230.982.924	461.965.860
Cộng	1.537.890.276	1.404.669.966

21. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	14.966.219.180	38.804.114.881
Ông Doãn Tới – Cổ tức phải trả	-	38.068.157.895
Ông Doãn Chí Thiên – Cổ tức phải trả	-	60.000.000
Ông Doãn Quốc Hội – Cổ tức phải trả	-	20.000.000
Ông Nguyễn Văn Vỹ – Cổ tức phải trả	-	450.000.000
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy – Cổ tức phải trả	-	204.300.000
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt – lãi vay phải trả	-	1.656.986
Công ty TNHH Đại Tây Dương – thu hộ	14.966.219.180	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	15.395.050.339	16.116.527.836
Chi phí lãi vay phải trả	883.444.782	1.637.268.805
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	7.330.987.490	6.256.452.320
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.197.480.000	1.549.330.000
Cổ tức phải trả	2.123.628.899	4.893.050.397
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.859.509.168	1.780.426.314
Cộng	30.361.269.519	54.920.642.717

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

22. Vay và nợ thuê tài chính**22a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn bên liên quan	3.470.000.000	400.000.000
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt ^(a)	3.470.000.000	400.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.215.142.221.327	1.368.471.247.188
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(b)	388.182.461.381	549.236.132.093
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(c)	299.585.856.489	205.832.831.122
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	5.150.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	-	4.339.150.000
Ngân hàng TNHH MTV Worri Việt Nam	-	63.341.438.797
Ngân hàng TNHH CTBC	-	6.048.723.890
Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam ^(d)	9.676.568.075	60.056.829.142
Ngân hàng TMCP Quân đội ^(e)	37.044.376.661	103.499.425.615
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ^(f)	45.084.546.620	98.125.494.743
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) ^(g)	85.111.599.951	93.123.207.451
Ngân hàng Malayan Banking Berhad ^(h)	159.287.911.290	179.718.014.335
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited ⁽ⁱ⁾	191.168.900.860	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	2.321.000.000	986.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	32.944.856.534	19.460.606.624
Cộng	1.253.878.077.861	1.389.317.853.812

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12) và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) của Công ty.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12) và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) của Công ty.
- (d) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 01 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.1).
- (e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12), hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và quyền đòi nợ hình thành từ vốn vay của Công ty.
- (f) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a) và bảo lãnh cá nhân của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- (g) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12), khoản phải thu (xem thuyết minh số V.3) của Công ty.
- (h) Khoản vay Ngân hàng Malayan Banking Berhad để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2a).
- (i) Khoản vay Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2a).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

22b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn bên liên quan	-	2.410.000.000
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	-	2.410.000.000
Vay dài hạn các cá nhân ⁽ⁱ⁾	150.000.000	150.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	35.383.793.195	25.072.445.427
Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, truyền dẫn	28.013.983.007	3.431.208.175
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị	3.722.800.016	7.445.600.012

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease để mua máy móc thiết bị	-	8.119.919.206
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị	1.542.810.172	6.075.718.034
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV – Sumi Trust để mua máy móc thiết bị	2.104.200.000	-
Cộng	35.533.793.195	27.632.445.427

(i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Mai Văn Nam để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 07 năm.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Tổng nợ
Số cuối năm			
Vay dài hạn cá nhân	-	150.000.000	150.000.000
Nợ thuê tài chính	32.944.856.534	35.383.793.195	68.328.649.729
Cộng	32.944.856.534	35.533.793.195	68.478.649.729
Số đầu năm			
Vay dài hạn tổ chức khác	-	2.410.000.000	2.410.000.000
Vay dài hạn cá nhân	-	150.000.000	150.000.000
Nợ thuê tài chính	19.460.606.624	25.072.445.427	44.533.052.051
Cộng	19.460.606.624	27.632.445.427	47.093.052.051

Chi tiết số phát sinh về nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang nợ thuê tài chính ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn bên liên quan	2.410.000.000	-	(2.410.000.000)	-	-
Vay dài hạn cá nhân	150.000.000	-	-	-	150.000.000
Nợ thuê tài chính	25.072.445.427	60.751.307.077	(15.535.093.083)	(34.904.866.226)	35.383.793.195
Cộng	27.632.445.427	60.751.307.077	(17.945.093.083)	(34.904.866.226)	35.533.793.195

22c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	163.631.160	-	-	163.631.160
Quỹ phúc lợi	209.105.818	300.000.000	(218.000.000)	291.105.818
Cộng	372.736.978	300.000.000	(218.000.000)	454.736.978

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 2 đính kèm.

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Doãn Tới	1.436.100.000.000	718.050.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	343.200.000.000	171.600.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	1.419.980.000	709.990.000
Các cổ đông khác	881.837.520.000	440.918.760.000
Cộng	2.662.557.500.000	1.331.278.750.000

Trong năm Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 1 cổ phiếu thưởng) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm năm 2024 số 73/NQ.ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 94/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 7 năm 2024. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn góp của chủ sở hữu 1.331.278.750.000 VND, ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 1.331.278.750.000 VND. Ngày 19 tháng 11 năm 2024 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 2.666.675.000.000 VND.

24c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	266.667.500	133.539.625
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	266.667.500	133.539.625
- Cổ phiếu phổ thông	266.667.500	133.539.625
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	411.750	411.750
- Cổ phiếu phổ thông	411.750	411.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	266.255.750	133.127.875
- Cổ phiếu phổ thông	266.255.750	133.127.875
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã chia cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 5%/ mệnh giá tương đương số tiền là 66.563.937.500 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 73/NQ.ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 120/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 9 năm 2024.

Ngoài ra, Công ty trích quỹ phúc lợi năm 2024 với số tiền 300.000.000 VND theo Tờ trình ngày 05 tháng 12 năm 2024 được Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

25a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	95.356,18	773.621,81
Euro (EUR)	2.439,12	2.517,35
Dollar Úc (AUD)	772,28	963,60
Rub Nga (RUB)	2.952,31	6.445,47

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

25b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Khách hàng nước ngoài	9.718.204,85	188.573.717.763	9.429.462,13	182.038.120.299
Khách hàng trong nước		20.969.842.251		20.833.538.351
Cộng		209.543.560.014		202.871.658.650

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	545.882.000	-
Doanh thu bán thành phẩm	4.997.752.295.576	4.878.748.120.559
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	9.029.952.765	10.481.459.582
Doanh thu thi công công trình xây lắp	-	5.813.840.604
Doanh thu khác	25.576.391.342	22.915.571.274
Cộng	5.032.904.521.683	4.917.958.992.019

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên doanh được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	1.981.288.860	2.795.004.988
Doanh thu khác	-	61.171.546
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed		
Doanh thu bán thành phẩm	-	60.000.000

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	22.510.842.710	11.242.396.677
Giảm giá hàng bán	3.667.491.015	9.610.217.829
Cộng	26.178.333.725	20.852.614.506

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	546.050.000	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.731.982.189.105	4.713.655.596.254
Giá vốn của điện năng lượng mặt trời	2.046.031.400	3.082.225.786
Giá vốn thi công công trình xây lắp	106.702.913	4.047.829.021
Giá vốn khác	8.612.463.476	10.471.686.235
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	14.333.102.812	7.031.396.263
Cộng	4.757.626.539.706	4.738.288.733.559

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2.228.920.986	16.689.338.553
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.077.588	23.839.760
Lãi tiền cho vay	94.476.765	292.218.408
Cổ tức, lợi nhuận được chia	210.800.000.000	254.561.791.100
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	22.582.517.895	13.350.397.530
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.408.483.802	-
Lãi bán hàng trả chậm	2.925.259.950	425.460.743
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	61.736.672
Doanh thu hoạt động tài chính khác	117.251.362	67.155.056
Cộng	240.169.988.348	285.471.937.822

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	63.203.200.154	93.110.639.445
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	11.388.763.885	22.551.340.089
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.557.775.415
Dự phòng tổn thất đầu tư	4.409.221.991	4.514.502.193
Chi phí tài chính khác	258.595.010	248.275.098
Cộng	79.259.781.040	122.982.532.240

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.225.514.532	7.003.032.014
Chi phí vật liệu, bao bì	285.751.316	435.782.943
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.024.473.709	350.962.935
Chi phí hoa hồng	40.573.972.830	36.143.525.469
Chi phí vận chuyển	144.691.388.476	90.335.735.165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.528.306.564	39.253.390.502
Các chi phí khác	8.067.180.688	4.745.822.524
Cộng	252.396.588.115	178.268.251.552

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	30.583.778.235	27.149.316.410
Chi phí vật liệu quản lý	1.266.611.743	1.105.502.304
Chi phí đồ dùng văn phòng	479.295.976	756.692.070
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.660.266.704	4.675.789.053
Thuế, phí và lệ phí	3.592.836.601	3.395.990.751
Dự phòng phải thu khó đòi	6.877.262.341	6.296.733.057
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.555.995.725	3.752.772.497
Các chi phí khác	9.020.550.135	7.520.587.645
Cộng	61.036.597.460	54.653.383.787

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.431.618.482	596.041.752
Xử lý kiểm kê thừa	-	6.112.228.035
Xử lý công nợ tồn lâu	2.436.520.646	2.136.146.112
Thu từ bồi thường	679.792.505	153.668.395
Thu nhập khác	1.919.768.723	1.821.695.927
Cộng	6.467.700.356	10.819.780.221

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	5.000.000
Thuế VAT bị truy thu	2.874.836	91.477.440
Phạt do vi phạm hành chính	-	9.000.000
Xử lý công nợ tồn lâu	2.218.965.655	-
Xử lý hao hụt hàng tồn kho	1.396.713.581	-
Tiền chậm nộp thuế	11.926.100	945.620.434
Chi phí khác	76.390.007	69.182.802
Cộng	3.706.870.179	1.120.280.676

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.929.220.454.763	3.394.787.663.721
Chi phí nhân công	486.056.408.386	352.553.190.643
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.494.817.814	33.440.763.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	978.000.906.356	973.124.023.523
Chi phí khác	68.946.060.912	60.560.586.259
Cộng	4.498.718.648.231	4.814.466.227.878

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Đầu tư vào công ty con bằng nguyên vật liệu	-	3.713.224.323
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	54.394.928.331	31.787.306.979
Thuế VAT khấu trừ thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	5.460.378.746	345.401.878
Mua tài sản thuê tài chính nhận nợ chờ giải ngân	3.000.000.000	896.000.000
Nhận nợ thuê tài chính cho tài sản nhập năm trước	896.000.000	-

Số dư các khoản công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tiền mua tài sản cố định	3.909.570.573	42.516.774.787
Trả trước tiền mua tài sản cố định	15.617.926.303	3.594.188.990

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành quản lý (Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán, Ban kiểm toán nội bộ, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Các thành viên chủ chốt		
Ông Doãn Tới		
Lãi vay	-	6.779.394.716
Công ty chia cổ tức	35.902.500.000	71.805.000.000
Các thành viên chủ chốt khác		
Tạm ứng	742.890.000	3.732.974.736
Công ty chia cổ tức	800.250.000	2.206.500.000
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Ông Doãn Chí Thanh		
Công ty chia cổ tức	8.580.000.000	17.160.000.000
Ông Doãn Chí Thiên		
Công ty chia cổ tức	35.499.500	70.999.000
Tạm ứng	100.000.000	-
Ông Doãn Quốc Hội		
Công ty chia cổ tức	-	20.000.000
Tạm ứng	-	10.000.000

Cam kết bảo lãnh

Ông Doãn Tới dùng tài sản cá nhân để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (xem thuyết minh số V.22a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.15 và V.21.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt, Ủy ban kiểm toán và Ban kiểm toán nội bộ

	Cộng thu nhập
Năm nay	
Ông Đỗ Lập Nghiệp – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.171.749.627
Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	228.756.000
Bà Dương Thị Kim Hương – Phó Tổng Giám đốc	108.756.000
Ông Trần Minh Cảnh – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.166.513.746
Ông Nguyễn Văn Vỹ – Phó Tổng Giám đốc	919.292.000
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Thành viên ủy ban kiểm toán	576.705.000
Bà Nguyễn Hà Thu Diễm – Kế toán trưởng	474.765.277
Bà Nguyễn Thị Minh Ý – Thành viên độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	50.000.000
Ông Dương Minh Phong – Thành viên ban kiểm toán nội bộ	324.918.000
Ông Lê Tiến Dũng – Trưởng ban kiểm toán nội bộ	178.055.000
Cộng	5.199.510.650
Năm trước	
Ông Đỗ Lập Nghiệp – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	945.348.012
Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	357.265.012
Bà Dương Thị Kim Hương – Phó Tổng Giám đốc	109.807.385
Ông Trần Minh Cảnh – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	933.240.131
Ông Nguyễn Văn Vỹ – Phó Tổng Giám đốc	697.095.385
Ông Nguyễn Thanh Liêm – Phó Tổng Giám đốc	692.455.385
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Thành viên ủy ban kiểm toán	591.101.923
Ông Nguyễn Văn Dương – Giám đốc Tài chính	244.429.923
Bà Nguyễn Hà Thu Diễm – Kế toán trưởng	456.841.718
Bà Nguyễn Thị Minh Ý – Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	60.000.000
Ông Lê Tiến Dũng – Trưởng ban kiểm toán nội bộ	327.804.385
Ông Dương Minh Phong – Thành viên ban kiểm toán nội bộ	179.602.385
Cộng	5.594.991.644

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	Công ty con
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	Công ty con
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	Công ty do con của Tổng Giám đốc thành lập (đến tháng 02 năm 2024)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Thuê kho	40.128.634.870	38.202.785.685
Phí sử dụng hạ tầng	876.607.505	574.192.074
Thu hộ	36.400.636.061	28.082.275.160
Chi phí khác	-	31.836.580
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed		
Mua dịch vụ khác	-	76.363.632

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6a, V.15, V.21 và V.22.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	2.843.164.373.362	2.702.496.016.325
Trong nước	2.163.561.814.596	2.194.610.361.188
Cộng	5.006.726.187.958	4.897.106.377.513

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

2b. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến cá với tỷ trọng doanh thu năm nay chiếm tỷ lệ 99% (năm trước là 99%).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Long Xuyên, ngày 28 tháng 3 năm 2025



Cao Thị Kim Thơ
Người lập



Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.368.471.247.188	3.222.066.917.043	-	(3.375.395.942.904)	1.215.142.221.327
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	1.386.000.000	6.120.000.000	-	(1.715.000.000)	5.791.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	19.460.606.624	-	34.904.866.226	(21.420.616.316)	32.944.856.534
Cộng	1.389.317.853.812	3.228.186.917.043	34.904.866.226	(3.398.531.559.220)	1.253.878.077.861

Đơn vị tính: VND



Cao Thị Kim Thơ
Người lập



Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng



TP. Long Xuyên, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

Số/No.: 315 /CV-KTTC

An Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2025
An Giang, dated March 29, 2025

Trích yếu: “Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế
Công ty mẹ năm 2024 so với cùng kỳ năm trước/

Ref: “Explanation of the difference in net profit after tax in the separate
financial statements for the year 2024 compared to the same period last year”

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh Stock Exchange

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi
nhuận sau thuế Công ty mẹ năm 2024 như sau/ Nam Viet Corporation (Stock symbol:
ANV) explains the difference in net profit after tax in the separate financial statements for the
year 2024 as follows:

- Doanh thu thuần năm 2024 đạt 5.006 tỷ đồng, tăng 109,6 tỷ đồng so với cùng
kỳ năm trước do sản lượng tăng/ Net revenue in 2024 reached VND 5.006 billion,
an increase of VND 109,6 billion compared to the same period last year due to an
increase in sales volume.
 - Chi phí bán hàng tăng 74 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước/ Selling expenses
increased by VND 74 billion compared to the same period last year.
 - Doanh thu tài chính giảm 45 tỷ đồng, chi phí tài chính giảm 43 tỷ đồng so với
cùng kỳ năm trước/ Financial income decreased by VND 45 billion, and financial
expenses decreased by VND 43 billion compared to the same period last year.
- Dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2024 lãi 99,3 tỷ đồng, tăng 417 triệu đồng so
với cùng kỳ năm trước/ As a result, net profit for 2024 is 99.3 billion VND, an
increase of 417 million VND compared to the same period last year.

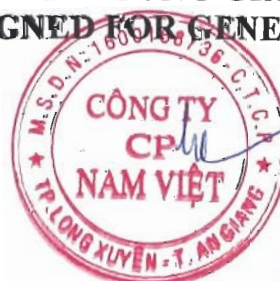
Công ty giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết/ We hereby explain to
you and our valued shareholders.

Trân trọng kính chào/ Yours faithfully,

Nơi nhận/To:

- Như trên/As above
- Ban TGD/ The BoM
- Lưu VT/To be filed

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
SIGNED FOR GENERAL DIRECTOR



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Minh Cảnh